

PHỤ LỤC BỔ SUNG KINH PHÍ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-KT ngày /12/2025 của Phòng Kinh tế)

	Đơn vị	Tổng biên chế giao Xã Kiến Đức	Bổ sung tiền lương (có tính chất lương) do tuyển dụng, điều động, luân chuyển, Nâng bậc lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp (nguồn 13)	Bổ sung tiền thưởng NĐ 73 do tăng giảm biên chế (nguồn 18)	Bổ sung kinh phí HĐ 111 (nguồn 12)	Tổng
		1		9	13	
	Tổng	486	2,199,022,617	144,961,226	(142,875,778)	2,201,108,065
MN		104	(354,405,415)	-	(74,691,162)	(429,096,577)
1	1100220-Trường MN Hoa Huệ	33	(170,638,397)			(170,638,397)
2	1073643-Trường MN Hoa Hồng	37	(196,238,768)			(196,238,768)
3	1091436-Trường MN Hoa Phượng	12	43,000,136			43,000,136
4	1073645-Trường MN Lê Thị Hồng Gấm	22	(30,528,385)		(74,691,162)	(105,219,547)
Tiểu học		230	885,292,747	49,336,560	71,077,532	1,005,706,839
5	1070251-Trường TH Đoàn Thị Điểm	40	40,000,000		(74,691,162)	(34,691,162)
6	1073615-Trường TH Bùi Thị Xuân	42	(154,159,637)		12,602,921	(141,556,716)
7	1091488-Trường TH Đinh Tiên Hoàng	35	658,189,189	28,023,840		686,213,029
8	1073608-Trường TH Võ Thị Sáu	29	558,179,481	33,527,520	10,670,166	602,377,167
9	1073641-Trường TH Lê Văn Tám	30	(328,374,013)	(12,214,800)	83,828,160	(256,760,653)
10	1012903-Trường TH Huỳnh Thúc Kháng	26	56,056,412			56,056,412
11	1073609-Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	28	55,401,315		38,667,447	94,068,762
Trung học		152	1,668,135,284	95,624,666	(139,262,148)	1,624,497,802
12	1091577-Trường THCS Trần Quang Khải	26	402,460,187	29,933,280		432,393,467
13	1091485-Trường THCS Nguyễn Du	65	677,017,697	33,696,000	(67,303,782)	643,409,915
14	Trường THCS Trần Quốc Toản	41	400,797,487	27,783,386	(52,151,202)	376,429,671
15	1100009-Trường THCS Võ Văn Kiệt	20	187,859,913	4,212,000	(19,807,164)	172,264,749